

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 51/2005/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2005***THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính
đối với Quỹ hỗ trợ phát triển**

Thực hiện Quyết định số 59/2005/QĐ-TTg ngày 23/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với hoạt động quản lý tài chính của hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm; được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước dành cho tín dụng đầu tư phát triển để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và tín

dụng hỗ trợ xuất khẩu, Quỹ hỗ trợ phát triển được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quỹ hỗ trợ phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư này.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quản lý an toàn, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển.

7. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động thu, chi tài chính của Quỹ.

II. QUY ĐỊNH VỀ VỐN, QUỸ VÀ TÀI SẢN

1. Vốn hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển gồm:

1.1. Vốn ngân sách Nhà nước:

- Vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển;
- Vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển.
- Vốn các dự án, chương trình của Chính phủ;
- Vốn của Chính phủ Việt Nam cho các dự án nước ngoài vay theo Hiệp định của Chính phủ.

Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

1.2. Vốn huy động:

- Vốn từ phát hành trái phiếu đầu tư;
- Vốn vay của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, ngân hàng và các tổ chức khác trong nước (kể cả của Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quỹ tiết kiệm Bưu điện) và Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài. Quỹ hỗ trợ phát triển không huy động tiền gửi từ dân cư
- Vay nước ngoài cho các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

1.3. Vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài

của Chính phủ (được viết tắt là vốn ODA) dùng để cho vay lại các dự án đầu tư phát triển theo ủy nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.4. Vốn huy động hợp pháp khác.

1.5. Vốn nhận ủy thác cấp phát, cho vay đầu tư phát triển của các địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Quỹ hỗ trợ phát triển không được nhận ủy thác huy động vốn cho các tổ chức, cá nhân.

2. Hàng năm, Quỹ hỗ trợ phát triển

phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn huy động. Việc huy động các nguồn vốn với lãi suất thị trường để cho vay phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn không phải trả lãi hoặc huy động với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, tránh để đọng vốn lớn.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản trong phạm vi toàn hệ thống theo quy định để phục vụ cho việc phát triển hoạt động của Quỹ.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, theo các quy định sau:

96689/ www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845-6684*
 LawSoft*

- Mua bảo hiểm tài sản và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến vốn, tài sản theo quy định.

- Vốn tạm thời nhàn rỗi được gửi tại các ngân hàng trong nước hoặc Kho bạc Nhà nước.

- Trong trường hợp cần thiết, Quỹ hỗ trợ phát triển được phép mua lại trái phiếu do Quỹ phát hành theo quy định của Bộ Tài chính.

- Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại Mục III của Thông tư này.

5. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

5.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển được hình thành từ các nguồn:

- Khấu hao tài sản cố định;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Ngân sách Nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm;
- Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước.

5.2. Toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Quỹ hỗ trợ phát triển được thực hiện trong phạm vi nguồn vốn được duyệt trong kế hoạch tài chính do Hội đồng quản lý thông qua và phải thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả.

5.3. Tỷ lệ trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định như đối với doanh nghiệp Nhà nước.

6. Kiểm kê tài sản:

6.1. Quỹ hỗ trợ phát triển phải tổ chức kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thanh lý, khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Quỹ; hoặc theo chủ trương của Nhà nước.

6.2. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

7. Đánh giá lại tài sản:

7.1. Quỹ hỗ trợ phát triển phải thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp: theo quyết định của Bộ Tài chính; thanh lý, nhượng bán tài sản.

7.2. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành đối với doanh nghiệp nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản được điều chỉnh tăng hoặc giảm các nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định của Bộ Tài chính.

8. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản của Quỹ, Quỹ hỗ trợ phát triển phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

8.1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8.2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

8.3. Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ hỗ trợ phát triển.

9. Quỹ hỗ trợ phát triển được quyền cho thuê các tài sản (trụ sở) thuộc quyền quản lý của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển quyết định và chịu trách nhiệm về việc đầu tư và cho thuê.

10. Quỹ hỗ trợ phát triển được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả. Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển quyết định việc thanh lý, nhượng bán trụ sở làm việc và báo cáo Bộ Tài chính.

Khi thanh lý tài sản Quỹ hỗ trợ phát triển phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật.

Chênh lệch giữa số tiền thu được do

thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển.

III. TRÍCH LẬP QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO VÀ XỬ LÝ RỦI RO

1. Quỹ hỗ trợ phát triển được trích lập quỹ dự phòng rủi ro vào chi phí hoạt động nghiệp vụ để bù đắp cho những tổn thất, thiệt hại do nguyên nhân khách quan trong quá trình cho các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, các dự án được bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện tạm trích quỹ dự phòng rủi ro với mức trích tối đa bằng 0,2% trên dư nợ bình quân cho vay đầu tư, nghĩa vụ bảo lãnh đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển. Hàng năm, sau khi nhận được Thông báo quyết toán tài chính của Bộ Tài chính, Quỹ hỗ trợ phát triển hạch toán điều chỉnh số trích quỹ dự phòng rủi ro.

3. Số dư của quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ đến thời điểm Quyết định số 59/2005/QĐ-TTg ngày 23/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển có hiệu lực được kết chuyển vào quỹ dự phòng rủi ro.

4. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng

trong trường hợp xóa nợ gốc cho các dự án do nguyên nhân khách quan bất khả kháng quy định tại Thông tư số 89/2004/TT-BTC ngày 03/9/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc xóa nợ, Quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tương ứng với số vốn gốc được xóa.

5. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định biện pháp xử lý.

IV. CẤP VỐN HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ

1. Trước ngày 20/7 hàng năm, căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức có liên quan, Quỹ Hỗ trợ phát triển lập và gửi dự toán cấp vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trong dự toán Ngân sách Nhà nước năm sau trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao và tình hình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, hàng quý, Bộ Tài chính chuyển vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ hỗ trợ phát triển.

3. Kết thúc năm, Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quyết toán với Bộ Tài chính số vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đã nhận và số thực cấp cho các chủ đầu tư và thực hiện điều chỉnh:

- Nếu số thực cấp cho các chủ đầu tư được quyết toán cao hơn số Bộ Tài chính đã cấp trong năm thì Bộ Tài chính sẽ cấp bổ sung phần còn thiếu trong phạm vi dự toán được thông báo. Phần chênh lệch vượt giữa số cấp bù chính thức cả năm và dự toán được thông báo (nếu có) sẽ được bố trí trong dự toán cấp hỗ trợ lãi suất năm sau.

- Nếu số thực cấp cho các chủ đầu tư được quyết toán thấp hơn số Bộ Tài chính đã cấp trong năm thì số chênh lệch được tính là số tạm cấp năm tiếp theo (trường hợp năm tiếp theo vẫn phát sinh việc hỗ trợ); hoặc phải nộp lại cho Ngân sách Nhà nước (trường hợp năm tiếp theo không phát sinh việc hỗ trợ).

4. Dự toán chi hỗ trợ lãi suất sau đầu tư giao cho Quỹ hỗ trợ phát triển trong năm không sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau sử dụng tiếp.

Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo đúng các quy định

là lãi suất tính theo phương pháp bình quân gia quyền giữa lãi suất huy động từng nguồn vốn với số dư các nguồn vốn, kể cả nguồn vốn không phải trả lãi (không bao gồm nguồn vốn ODA, vốn nhận ủy thác của địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) và được tính như sau:

$$\text{Lãi suất bình quân các nguồn vốn (quý, năm)} = \frac{\text{Tổng lãi thực trả cho việc huy động các nguồn vốn (quý, năm)}}{\text{Tổng nguồn vốn thực tế tính theo phương pháp bình quân tháng}}$$

Tổng nguồn vốn thực tế là tổng số dư của tất cả các nguồn vốn, kể cả nguồn vốn không phải trả lãi; không bao gồm nguồn vốn ODA, vốn nhận ủy thác của địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

(3) Lãi suất cho vay bình quân các dự án là lãi suất tính theo phương pháp bình quân gia quyền giữa dư nợ cho vay thực tế theo phương pháp bình quân tháng với lãi suất cho vay được ấn định cho từng dự án và được tính như sau:

$$\text{Lãi suất cho vay bình quân (quý, năm)} = \frac{\text{Tổng thu nợ lãi cho vay (quý, năm)}}{\text{Tổng dư nợ cho vay thực tế tính theo phương pháp bình quân tháng}}$$

Tổng số thu nợ lãi cho vay là lãi thực thu được (kể cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) từ hoạt động cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn; lãi phạt các dự án được bảo lãnh nhưng không trả nợ đúng hạn buộc Quỹ hỗ trợ phát triển phải trả nợ thay. Không bao gồm lãi thu được từ hoạt động cho vay vốn ODA, nhận ủy thác từ địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, lãi tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.

4. Trình tự cấp bù chênh lệch lãi suất

4.1. Tạm cấp bù hàng quý

- Vào ngày 25 tháng cuối của quý trước, căn cứ số liệu tổng hợp từ các Chi nhánh, Quỹ hỗ trợ phát triển lập dự toán cấp bù quý, kèm thuyết minh gửi Bộ Tài chính.

- Căn cứ dự toán cấp bù được bố trí trong dự toán chi Ngân sách Nhà nước; trên cơ sở dự toán cấp bù quý của Quỹ hỗ trợ phát triển, vào ngày 25 tháng đầu hàng quý, Bộ Tài chính tạm cấp bù cho Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định tại điểm 2 - Mục V của Thông tư này.

- Điều chỉnh số cấp bù quý

a) Vào ngày 25 tháng cuối của quý trước, căn cứ số liệu tổng hợp từ các chi nhánh, Quỹ hỗ trợ phát triển tính số phải cấp bù thực tế quý trước, số chênh lệch với số đã được tạm cấp bù quý trước, kèm theo thuyết minh gửi Bộ Tài chính.

b) Căn cứ dự toán được bố trí trong dự toán chi Ngân sách Nhà nước, trên cơ sở đề nghị cấp bù của Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính xác định số thực phải cấp bù quý trước:

+ Nếu số thực phải cấp bù của quý trước cao hơn số đã tạm cấp bù, Bộ Tài chính cấp bổ sung phần còn thiếu cùng với số tạm cấp bù quý sau.

+ Nếu số thực phải cấp bù của quý trước thấp hơn số đã tạm cấp bù, Bộ Tài chính sẽ trừ số đã cấp vượt vào số tạm cấp bù quý sau.

4.2. Điều chỉnh số cấp bù hàng năm theo quyết toán chính thức

- Kết thúc năm tài chính, căn cứ số liệu quyết toán chính thức được Hội đồng quản lý phê duyệt, Quỹ hỗ trợ phát triển xác định số phải cấp bù trong năm, kèm thuyết minh gửi Bộ Tài chính.

- Căn cứ dự toán cấp bù được bố trí trong năm Ngân sách Nhà nước; số liệu quyết toán, Bộ Tài chính xác định số cấp bù cả năm cho Quỹ hỗ trợ phát triển và thực hiện điều chỉnh.

Việc điều chỉnh số cấp bù theo quyết toán chính thức được thực hiện như sau:

+ Nếu số được cấp bù cả năm được quyết toán cao hơn số đã tạm cấp bù trong năm (theo các quý) thì Bộ Tài chính sẽ cấp bổ sung phần còn thiếu trong phạm vi dự toán được thông báo. Phần chênh lệch vượt giữa số cấp bù chính thức cả năm và dự toán được

thông báo (nếu có) sẽ được bố trí trong dự toán cấp bù năm sau.

Số cấp bổ sung trong thời kỳ chỉnh lý quyết toán được tính vào số quyết toán chi ngân sách năm thực hiện, số cấp bổ sung sau thời kỳ chỉnh lý quyết toán được tính vào quyết toán năm chi ngân sách năm sau.

+ Nếu số được cấp bù cả năm được quyết toán thấp hơn số đã tạm cấp bù trong năm (theo các quý) thì phần chênh lệch vượt sẽ được trừ vào số tạm cấp bù của quý I năm tiếp theo (trường hợp năm tiếp theo vẫn phát sinh việc cấp bù); hoặc phải nộp lại cho Ngân sách Nhà nước (trường hợp năm tiếp theo không phát sinh việc cấp bù).

4.3. Trường hợp dự toán cấp bù chênh lệch lãi suất trong năm của Quỹ hỗ trợ phát triển không sử dụng hết thì chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

VI. PHÍ QUẢN LÝ

1. Xây dựng dự toán cấp phí quản lý

- Trước ngày 20/7 hàng năm, Quỹ Hỗ trợ phát triển lập và gửi dự toán cấp phí quản lý cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trong dự toán Ngân sách Nhà nước hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Căn cứ dự toán cấp phí quản lý cả năm được bố trí trong dự toán chi Ngân

sách nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển xây dựng dự toán cấp phí quản lý quý cùng với dự toán cấp bù chênh lệch lãi suất gửi Bộ Tài chính.

2. Phương pháp tính phí quản lý

$$\text{Phí quản lý} = 30\% \times \text{Tổng số thu nợ lãi cho vay}$$

- Tổng số thu nợ lãi cho vay là lãi thực thu được (kể cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) từ hoạt động cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn; lãi phạt các dự án được bảo lãnh nhưng không trả nợ đúng hạn buộc Quỹ hỗ trợ phát triển phải trả nợ thay. Không bao gồm lãi thu được từ hoạt động cho vay vốn ODA, nhận ủy thác từ địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, lãi tiền gửi tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.

- Tỷ lệ trích phí này được ổn định trong 3 năm. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh mức phí này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ nội dung xử lý.

3. Nguyên tắc và trình tự cấp phí quản lý

3.1. Nguyên tắc cấp phí quản lý: việc cấp phí quản lý cho Quỹ hỗ trợ phát triển được thực hiện theo nguyên tắc tạm cấp hàng quý cùng với cấp bù chênh lệch lãi suất trên cơ sở số thu lãi cho vay thực tế trong quý.

3.2. Trình tự cấp phí quản lý

- Vào ngày 05 tháng đầu quý sau, căn cứ số liệu tổng hợp thu lãi cho vay thực tế từ các chi nhánh Quỹ tính đến thời điểm ngày 30 tháng cuối quý trước, Quỹ hỗ trợ phát triển có văn bản đề nghị cấp phí quản lý, kèm thuyết minh gửi Bộ Tài chính.

Căn cứ dự toán được bố trí trong dự toán chi Ngân sách Nhà nước; trên cơ sở đề nghị của Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính thực hiện cấp phí quản lý cho Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định.

- Kết thúc năm tài chính, căn cứ số liệu quyết toán được Hội đồng quản lý thông qua, Quỹ hỗ trợ phát triển xác định lại số phí quản lý được hưởng cả năm, kèm thuyết minh gửi Bộ Tài chính.

Căn cứ dự toán cấp phí quản lý được bố trí trong năm Ngân sách Nhà nước; số liệu quyết toán về thu lãi cho vay thực tế trong năm của Quỹ hỗ trợ phát triển, Bộ Tài chính xác định số phí quản lý cho Quỹ hỗ trợ phát triển được hưởng trong năm, thực hiện điều chỉnh và cấp cho Quỹ hỗ trợ phát triển.

Trường hợp số phí quản lý cả năm được quyết toán nhỏ hơn số đã tạm cấp trong năm, Bộ Tài chính cấp bổ sung phần còn thiếu trong phạm vi dự toán được thông báo. Phần chênh lệch vượt giữa số quyết toán và dự toán được thông báo (nếu có) sẽ được bố trí trong dự toán cấp bù năm sau.

Số cấp bổ sung trong thời kỳ chỉnh lý

quyết toán được tính vào số quyết toán chi ngân sách năm thực hiện, số cấp bổ sung sau thời kỳ chỉnh lý quyết toán được tính vào quyết toán năm chi ngân sách năm sau.

3.3. Trường hợp dự toán cấp phí quản lý trong năm của Quỹ hỗ trợ phát triển không sử dụng hết thì chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

VII. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Thu nhập của Quỹ hỗ trợ phát triển là toàn bộ các khoản thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ, bao gồm:

1.1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:

- Thu nợ lãi (trong hạn và lãi phạt) của các dự án vay vốn đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển (không bao gồm lãi thu được từ hoạt động cho vay vốn ODA, nhận ủy thác từ địa phương, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước); lãi phạt các dự án được bảo lãnh nhưng không trả nợ đúng hạn buộc Quỹ hỗ trợ phát triển phải trả nợ thay;

- Thu lãi cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu;

- Thu lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ phát triển gửi tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong nước;

- Thu phí nhận ủy thác cấp phát vốn, cho vay;

- Thu cấp bù chênh lệch lãi suất;
- Thu phí quản lý cho vay các dự án sử dụng nguồn vốn trong nước;
- Thu phí quản lý cho vay các dự án sử dụng nguồn vốn ODA;
- Thu về dịch vụ thanh toán, thông tin và ngân quỹ;
- Thu hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.

1.2. Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;

1.3. Thu nhập từ hoạt động khác:

- Các khoản thu phạt;
- Thu thanh lý, nhượng bán tài sản;
- Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;
- Các khoản thu nhập hợp pháp khác.

2. Chi phí của Quỹ hỗ trợ phát triển là các chi phí hợp lý phát sinh trong kỳ, bao gồm:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi trả lãi vốn huy động (không bao gồm trả lãi vay của các dự án sử dụng nguồn vốn ODA cho vay lại) gồm: lãi trái phiếu, lãi vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Chi trả lãi tiền gửi của khách hàng tại Quỹ;

- Chi phí huy động vốn, bao gồm cả chi phí phát hành trái phiếu Quỹ;

- Chi phí dịch vụ thanh toán;

- Chi phí ủy thác, bao gồm cả chi phí ủy thác thu hồi nợ vay;

- Chi phí dự phòng rủi ro;

- Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi phí quản lý:

- Chi cho cán bộ, viên chức của Quỹ hỗ trợ phát triển:

+ Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ do Thủ tướng Chính phủ quy định (bao gồm chi cho lao động hợp đồng thuê ngoài biên chế);

+ Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;

+ Chi ăn giữa ca: mức chi mỗi người không vượt quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân viên chức;

+ Chi trang phục giao dịch, mức chi không quá 500.000 đồng/người/năm.

+ Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý làm việc bán chuyên trách và Tổ giúp việc theo quy định của pháp luật.

+ Chi cho lao động nữ theo quy định;

+ Chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định, bao gồm cả chi cho công tác phòng cháy, chữa cháy;

+ Chi trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc. Mức trích hàng năm từ 1 - 3% quỹ lương thực hiện của Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định. Mức trích như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:

+ Chi mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng;

+ Chi về cước phí Bưu điện và truyền tin: gồm chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, thuê kênh truyền tin, telex, fax... trả theo hóa đơn của cơ quan bưu điện;

Việc chi trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo của Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ sử dụng điện thoại đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị xã hội và doanh nghiệp nhà nước.

+ Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan,

+ Chi xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ, viên chức đi công tác và lãnh đạo Quỹ đi làm việc thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ sử dụng xe ô tô trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước.

+ Chi công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong và ngoài nước thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

+ Chi phí tuyên truyền, họp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị.

Các khoản chi này không quá 5% tổng chi phí.

+ Chi cho việc thanh tra, kiểm tra kiểm toán các đơn vị thuộc và trực thuộc Quỹ hỗ trợ phát triển theo chế độ quy định.

+ Chi bảo dưỡng sửa chữa tài sản theo kế hoạch hàng năm.

+ Chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật như: tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ ngắn hạn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Quỹ hỗ trợ phát triển; chi mua tài liệu, in ấn biên dịch tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu...

+ Chi nghiệp vụ kho quỹ, bốc vác, vận chuyển.

2.3. Chi phí thuê tài sản.

2.4. Các khoản chi khác:

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, bảo đảm số chi phải thấp hơn số tiền nợ đã xóa thu hồi được;

- Chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định.

- Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định.

- Chi bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định.

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản.

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định của Nhà nước.

- Các khoản chi phí khác.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

- Các khoản thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

- Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các khoản chi khác cho các công trình phúc lợi;

- Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;

- Chi công tác trong và ngoài nước vượt định mức chi do Nhà nước quy định;

- Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

VIII. PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

1. Phân phối thu nhập:

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng

năm sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển;

- Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích hai quỹ tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện. Tỷ lệ phân chia hai quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định;

- Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ, mức trích là số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên.

2. Mục đích sử dụng các quỹ được trích lập:

2.1. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc cho Quỹ theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước.

2.2. Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức làm việc tại Quỹ hỗ trợ phát triển. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định theo đề nghị của Chủ tịch công đoàn.

- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ hỗ trợ phát triển có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả. Mức thưởng do Tổng giám đốc Quỹ quyết định.

- Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài

Quỹ hỗ trợ phát triển có quan hệ, hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2.3. Quỹ phúc lợi dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ hỗ trợ phát triển, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thỏa thuận.

- Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Đóng góp cho Quỹ phúc lợi xã hội, hỗ trợ đoàn thể.

- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức Quỹ hỗ trợ phát triển.

- Chi các hoạt động phúc lợi khác.

Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ hỗ trợ phát triển để quản lý, sử dụng quỹ này.

2.4. Quỹ bổ sung vốn điều lệ dùng để bổ sung vốn điều lệ.

IX. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Hàng năm, Quỹ Hỗ trợ phát triển có

trách nhiệm lập và báo cáo Bộ Tài chính các kế hoạch sau:

1.1. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn:

- Kế hoạch vốn hàng năm bao gồm:

+ Vốn điều lệ Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung;

+ Vốn Ngân sách Nhà nước cấp cho các mục tiêu: tăng nguồn vốn cho vay đầu tư, vốn để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;

+ Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất;

+ Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có);

+ Vốn thu hồi nợ vay;

+ Vốn huy động theo từng nguồn;

+ Vốn khác.

- Kế hoạch sử dụng vốn:

+ Tổng mức vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo các hình thức hỗ trợ: cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư và theo cơ cấu ngành, lĩnh vực, vùng; kế hoạch trả nợ các nguồn vốn đã huy động.

+ Doanh số cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu.

1.2. Kế hoạch cấp bù chênh lệch lãi suất.

1.3. Kế hoạch cấp phí quản lý.

1.4. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản: kèm theo thuyết minh chi tiết về dự kiến

xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định và cân đối các nguồn vốn.

1.5. Kế hoạch thu - chi tài chính: Kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi và các định mức chi tiêu cụ thể.

1.6. Kế hoạch biên chế, quỹ lương.

Các kế hoạch trên là căn cứ để Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện và quyết toán tài chính với cơ quan tài chính.

2. Định kỳ (tháng, quý, năm) Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo tài chính sau cho Bộ Tài chính:

2.1. Định kỳ hàng tháng vào ngày 20, Quỹ hỗ trợ phát triển lập và gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo nhanh về tình hình hoạt động của toàn hệ thống Quỹ theo đúng quy định tại Điều 11 - Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển (theo Mẫu số BC01-QHTPT).

2.2. Định kỳ hàng quý (chậm nhất vào ngày 25 tháng đầu quý sau) và kết thúc niên độ kế toán (chậm nhất vào ngày 30/3 của năm sau), ngoài các báo cáo theo Chế độ kế toán quy định, Quỹ hỗ trợ phát triển lập và gửi các báo cáo sau cho Bộ Tài chính:

- Báo cáo cấp bù chênh lệch lãi suất (từ Mẫu số BC02-QHTPT đến Mẫu số BC04-QHTPT);

- Báo cáo cấp phí quản lý (Mẫu số BC05-QHTPT)

3. Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ, công khai kết quả hoạt động tài chính hàng năm và chịu trách nhiệm về số liệu đã công bố.

Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ hỗ trợ phát triển phải được kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật và được Hội đồng quản lý thông qua trước khi báo cáo Bộ Tài chính.

4. Quỹ hỗ trợ phát triển chịu sự kiểm tra tài chính của Bộ Tài chính, gồm:

4.1. Kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán theo định kỳ hoặc đột xuất.

4.2. Kiểm tra theo từng chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

4.3. Giám sát tài chính và thông qua Quyết toán tài chính hàng năm.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực

hiện chế độ tài chính theo đúng quy định tại Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Thông tư của Bộ Tài chính số 42/2000/TT-BTC về hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính và Thông tư số 43/2000/TT-BTC ngày 23 tháng 5 năm 2000 về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.

3. Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hướng dẫn tại Thông tư này được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 59/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị Quỹ hỗ trợ phát triển phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Trần Văn Tá

BÁO CÁO NGUỒN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

Tháng..... năm.....

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung	Dư đầu năm	Phát sinh trong tháng		Dư cuối tháng	Ghi chú
			Phát sinh tăng	Phát sinh giảm		
I	NGUỒN					
1	Vốn Ngân sách Nhà nước					
1.1	Vốn điều lệ					
1.2	Vốn Ngân sách cấp hàng năm					
1.3	Vốn các dự án chương trình của CP					
1.4	Vốn của CP cho các dự án nước ngoài vay					
2	Vốn huy động					
2.1	Vốn từ phát hành trái phiếu đầu tư					
2.2	Vay trung hạn và dài hạn					
	<i>Trong đó:</i> Bảo hiểm xã hội					
	Công ty tiết kiệm bưu điện					
	Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài					
	Huy động tại chi nhánh					
	...					
2.3	Vốn huy động khác					
3	Thu hồi nợ vay					
4	Vốn ODA					
5	Vốn ủy thác cấp phát, cho vay ĐTPT					

Số thứ tự	Nội dung	Dư đầu năm	Phát sinh trong tháng		Dư cuối tháng	Ghi chú
			Phát sinh tăng	Phát sinh giảm		
II	SỬ DỤNG NGUỒN					
1	Cho vay ODA					
2	Cho vay trung và dài hạn					
3	Tín dụng HTXK					
4	Hỗ trợ lãi suất SĐT					
5	Bảo lãnh tín dụng đầu tư					

Lập biểu

Phụ trách bộ phận

Ngày..... tháng..... năm.....

Tổng giám đốc

Biểu số BC02-QHTPT

SỐ CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT
(Quý/năm)

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu
I	Số thực tế phát sinh trong kỳ	
1	Nguồn vốn	
	Lãi phải trả cho nguồn vốn huy động	
	Dư nợ bình quân	
	Lãi suất hòa đồng đầu vào (%)	
2	Sử dụng vốn	
2.1	Cho vay trung dài hạn và HTXK ngắn hạn	
	Lãi thực thu trong năm	
	Dư nợ bình quân	
	Lãi suất hòa đồng đầu ra (%)	
2.2	Cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	
	Lãi thực thu trong năm	
	Dư nợ bình quân	
	Lãi suất hòa đồng đầu ra (%)	
3	Số cấp bù chênh lệch lãi suất	
3.1	Cho vay các dự án thông thường	
3.2	Cho vay tôn nền vượt lũ	
II	Số Bộ Tài chính đã tạm cấp trong năm	
III	Chênh lệch thực tế phát sinh - thực cấp (I - II - III)	

096888972

DƯ NGUỒN VỐN BÌNH QUÂN VÀ LÃI SUẤT HÒA ĐỒNG ĐẦU VÀO
(Quý/năm)

Đơn vị: đồng

Tháng	Vốn huy động			Nguồn NSNN cấp vốn điều lệ	NSNN cấp (hình thành TSCĐ)	Nguồn vốn TDNN NSTW cấp	Tổng
	Vay các TCTD	Phát hành trái phiếu	Chi nhánh tự huy động				
Tháng 1							
Tháng 2							
Tháng 3							
Tháng 4							
Tháng 5							
Tháng 6							
Tháng 7							
Tháng 8							
Tháng 9							
Tháng 10							
Tháng 11							
Tháng 12							
Bình quân							

Dư nguồn vốn bình quân

Trả lãi huy động

Lãi suất bình quân đầu vào

DƯ NỢ BÌNH QUÂN VÀ LÃI SUẤT HÒA ĐỒNG ĐẦU RA
(Quý/năm)

Đơn vị: đồng

Tháng	Cho vay vốn tín dụng ĐTPT NN			Cho vay hỗ trợ xuất khẩu			Cộng dư nợ cho vay
	Cho vay dự án thông thường	Cho vay CT đặc biệt	Cho vay khác	Cho vay HTXK trung dài hạn	Cho vay HTXK ngắn hạn	Cho vay HTXK khác	
Tháng 1							
Tháng 2							
Tháng 3							
Tháng 4							
Tháng 5							
Tháng 6							
Tháng 7							
Tháng 8							
Tháng 9							
Tháng 10							
Tháng 11							
Tháng 12							
Bình quân							

Dư nợ vay bình quân

Lãi đã thu trong kỳ

Lãi suất bình quân đầu ra

Biểu số BC05-QHTPT

**SỐ CẤP PHÍ QUẢN LÝ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
(Quý/Năm)**

Đơn vị: đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số liệu
I	Số thực tế phát sinh trong kỳ	
1	Doanh số cho vay trong kỳ	
1.1	Cho vay trung và dài hạn	
1.2	Cho vay ngắn hạn HTXK	
2	Doanh số thu nợ trong kỳ	
2.1	Cho vay trung và dài hạn	
2.2	Cho vay ngắn hạn HTXK	
3	Thu lãi cho vay thực tế trong kỳ	
3.1	Cho vay trung và dài hạn	
3.2	Cho vay ngắn hạn HTXK	
4	Tỷ lệ phí quản lý được hưởng	
5	Số phí quản lý được hưởng	
	Cho vay trung và dài hạn	
	Cho vay ngắn hạn HTXK	
II	Số Bộ Tài chính đã tạm cấp trong năm	
III	Chênh lệch thực tế phát sinh - thực cấp (I - II - III)	

THÔNG BÁO

Thông tư số 04/2005/TT-VPCP ngày 21 tháng 3 năm 2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hoạt động của Công báo ở Trung ương có quy định:

“Cơ quan Công báo trực tiếp phát hành Công báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc thông qua các đại lý, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh phát hành sách, báo trong toàn quốc”.

“Căn cứ vào nhu cầu của độc giả, cơ quan Công báo trực tiếp tổ chức việc xuất bản và phát hành Công báo cho các đối tượng khác”.

Để tạo điều kiện cho độc giả trong toàn quốc tiếp cận dễ dàng với Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2005 các độc giả có nhu cầu mua Công báo lẻ năm 2005 và các năm trước xin gửi đăng ký bằng văn bản đến Bộ phận phát hành Phòng Công báo - Văn phòng Chính phủ theo địa chỉ:

Số 1A Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04.8231182 (Đ/c Phạm Phương Thảo)

Fax: 08044517.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng